TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**08**/2020/DS-ST
Ngày: 20/5/2020
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:*** Bà Lê Thị Ký
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng
Ông Đặng Quang Hoạch
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đinh Thị Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T***: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 185/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-DS ngày 06/12/2019; Quyết định tạm ngưng phiên tòa; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 13/QĐST-DS ngày 04/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Vũ Thị Y**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn**: Ông Nguyễn Khắc K**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 5A3, khu phố 5, đường C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trịnh Thị Thu P, sinh năm 1979;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc K, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ 5A3, khu phố 5, đường C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Trần Thị Mai T, sinh năm 1969

Địa chỉ: tổ 8, khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Lữ Phước L, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Trụ sở: 442, Nguyễn Thị Minh K1, phường 5, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Lê Tuấn K2 – Giám đốc chi nhánh (Văn bản ủy quyền số: 4908/TCQĐ.12).

Ông Kiệt ủy quyền lại cho ông Nguyễn Quốc V - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP A (Văn bản ủy quyền số: 168/UQ – DNA.17 ngày 01/11/2019).

Địa chỉ liên hệ: Số 220, Hà Huy Giáp, khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Y, ông K1; ông V có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị Y trình bày:

Năm 2015, bà nhận chuyển nhượng lại thửa đất số 42 tờ bản đồ số 15 thị trấn T, huyện T với diện tích đất 125m^2 (ngang 05m, dài 25m) của bà Nguyễn Thị Bích V1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 465149 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện T) cấp ngày 23/7/2003. Thời điểm nhận chuyển nhượng ranh đất giữa thửa 41 và thửa 42 tờ bản đồ số 15 thị trấn T, huyện T đã hình thành một bức tường gạch xây không tô kéo dài từ hướng bắc xuống hướng nam nhưng bức tường này không được xây liên tục mà có đoạn bỏ trống, cao khoảng 80cm, dày khoảng 10cm phía trên có quây lưới B40. Quá trình sử dụng đất bà có yêu cầu Phòng tài nguyên môi trường huyện T đo xác định vị trí ranh đất thì thấy ranh đất của bà bị sai và thiếu đất. Bà có nói ông K trả lại diện tích đất tranh chấp tuy nhiên ông K không đồng ý, bà đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K trả cho bà khoảng 08m^2 đất đã lấn chiếm. Sau khi có kết quả đo vẽ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh T, bà xác định lại yêu cầu khởi kiện là buộc ông K, bà P trả lại cho bà diện tích là 06m^2 được giới hạn bởi các điểm (8’ 2’, 5’, 11’, 9’, 8’) và khởi kiện bổ sung yêu cầu ông K tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm. Bà đồng ý thanh toán giá trị tài sản xây dựng trên phần đất đang tranh chấp cho ông K, bà P số tiền 8.003.185 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 684/CT-THM ngày 04/7/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đấu tư xây dựng Thế Hệ Mới.

Đối với trích lục đo vẽ số 7501/2018 ngày 25/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh T và chứng thư thẩm định giá số số 684/CT-THM ngày 04/7/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư xây dựng Thế Hệ Mới bà không có ý kiến gì.

Đối với chi phí tố tụng trong vụ án (chi phí đo vẽ, chi phí thu thập chứng cứ, chi phí thẩm định giá) bà yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại cho bà theo quy

định của pháp luật. Ngoài ra, bà Y không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Khắc K đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị Thu P trình bày:

Ngày 22/7/2014, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Hòa H và bà Võ Thị Thu H1 quyền sử dụng đất của thửa đất số 41 tờ bản đồ số 15 tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai có diện tích 125m^2 (chiều ngang 05m, chiều dài 25m). Khi nhận chuyển nhượng giữa ranh đất thửa số 41 và thửa số 42 tờ bản đồ số 15 có tồn tại một móng đá cao nhô lên mặt đất khoảng 30cm dầy khoảng 20cm, sau này khi san nền cao lên thì ông đã lấp móng đá trên và xây tường gạch không tô trên nền móng cũ cao khoảng 80cm, dầy 10cm. Bức tường này ông xây nối liền liên tục nhưng người thuê lại đất của ông có đập bỏ một phần để lấy lối đi lại giữa thửa đất số 41 và 42, tờ bản đồ số 15. Bên trên bức tường có đoạn ông lấy tôn quây lại, có đoạn quây bằng lưới B40. Sau khi nhận chuyển nhượng được 03 tháng ông có cho người khác thuê lại đất để mở quán và cùng thời điểm trên bà Y là chủ của thửa đất số 42 liền kề với thửa đất số 41 của ông cũng cho người khác thuê đất để làm quán nên bà Y có gọi cho ông ra để đo vẽ và xác định ranh thửa đất để Phòng Tài nguyên môi trường huyện T đo vẽ lại và hai bên đã thống nhất bức tường chung là ranh gữa hai thửa đất.

Nay bà Y khởi kiện buộc ông phải trả lại diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 41, tờ bản đồ 15, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất thì ông không đồng ý. Vì vợ chồng ông sử dụng đúng và đủ diện tích. Ông không yêu cầu phản tố và bà P không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Phước L trình bày:

Năm 2019 ông ký hợp đồng thuê thửa đất số 41 tờ bản đồ số 15 tại thị trấn T, huyện T của ông Nguyễn Khắc K. Việc thuê đất chỉ có một mình ông đứng ra thuê và trực tiếp quản lý, sử dụng. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu ông K trả lại phần đất đã lấn chiếm, ông xác định ông không liên quan gì trong vụ án. Nếu sau này việc thuê đất giữa ông với ông K có vấn đề gì thì ông sẽ khởi kiện ông K giải quyết trong một vụ án khác. Đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt tại các bước tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mai T trình bày: Từ tháng 8/2018, bà thuê mặt bằng của bà Vũ Thị Y để xây dựng và mở quán ăn, do đất đang tranh chấp nên giữa bà với bà Y chưa ký hợp đồng thuê đất. Việc thuê đất chỉ có một mình bà đứng ra thuê và trực tiếp quản lý, sử dụng. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu ông K trả lại phần đất đã lấn chiếm thì bà không có ý kiến gì vì bà không liên quan đến việc tranh chấp trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP A do ông Nguyễn Quốc V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/3/2017, giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Khắc K và Trịnh Thị Thu P có ký hợp đồng tín dụng số LBT.CN,1065.170317; khế ước nhận nợ số 234442589 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1536244 ngày 25/7/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 1536244/SĐBS-01 ngày 20/3/2017. Sau khi ký kết thì Ngân hàng có giải ngân cho ông K, bà P số tiền 800.000.000đồng, dư nợ tính đến ngày 04/11/2019 là 661.166.541đồng (trong

đó nợ gốc là 659.082.000đồng, nợ lãi là 2.084.541đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Vinh xác nhận ông K, bà P chưa vi phạm hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Toàn bộ tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 41, tờ bản đồ số 15, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai đã được đăng ký thế chấp cho Ngân hàng ACB. Ngân hàng không yêu cầu độc lập trong vụ án này, nếu sau này có xảy ra tranh chấp với ông K thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Ngân hàng đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của Vũ Thị Y là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết**: Bà Vũ Thị Y khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Khắc K, bà Trịnh Thị Thu P trả lại phần đất đã lấn chiếm và yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất. Như vậy, quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất" và "Yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất*". Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Lữ Phước L, bà Trần Thị Mai T. Ông L, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bà Bùi Thị Kim L1 hiện nay không còn thuê đất của ông Nguyễn Khắc K nên không cần thiết đưa bà L1 tham gia tố tụng.

[3] **Về nội dung**: Xét yêu cầu khởi kiện cuả nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Nguyên đơn xác định diện tích đất thuộc thửa 42 tờ bản đồ số 15 tại thị trấn Trảng Bom được UBND huyện T (nay là huyện T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 125m^2, có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa đất còn lại của thửa 43; hướng Tây giáp với thửa đất số 41 tờ bản đồ số 15; hướng Nam giáp với thửa đất số 45 tờ bản đồ số 15; hướng Bắc giáp với đường H. Bà Y xác định trong quá trình sử dụng đất thì ông K, bà P sử dụng thửa đất số 41 tờ bản đồ số 15 liền kề đã lấn sang diện tích thửa số 42 tờ bản đồ số 15 thị trấn T theo các mốc ranh giới đất được thể hiện trên bản trích lục và đo vẽ hiện trạng của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh T ngày 25/10/2018. Cụ thể:

[3.2] Diện tích đất ông Nguyễn Khắc K và bà Trịnh Thị Thu P xây dựng bức tường cao khoảng 80cm, tường dầy khoảng 10cm lấn sang phần diện tích đất của bà Y gồm các mốc: (8’ 2’, 5’, 11’, 9’, 8’), tổng cộng là 06m^2.

[3.3] Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện T (nay là huyện T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai thể hiện: Bà Vũ Thị Y được cấp với diện tích là 125m^2 .

[3.4] Hiện trạng phần diện tích đất các bên sử dụng và diện tích đất được UBND huyện T (nay là huyện T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: phần diện tích đất của bà Y trên thực địa sau khi đo đạc còn thiếu so với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 06m^2, Thửa 41, tờ 15 thị trấn T của ông K đủ 125 m^2).

[3.5] Qua các chứng cứ do Tòa án thu thập và các chứng cứ do các đương sự giao nộp thể hiện bà Vũ Thị Y với ông Nguyễn Khắc K tranh chấp diện tích đất gồm các mốc: (8’ 2’, 5’, 11’, 9’, 8’), tổng cộng là 06m^2. Qua thực tế đo vẽ chồng ghép thì đất của ông K không dư. Tuy nhiên, về ranh địa chính thì ông K đã lấn sang thửa đất số 42 tờ bản đồ số 15 của bà Y là 06m^2. Do đó, có cơ sở xác định ông K là chủ sử dụng đất liền kề với thửa đất của bà Y đã lấn chiếm diện tích đất của bà Vũ Thị Y là 06m^2. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y là có cơ sở.

[3.6]Tại phiên tòa và tại biên bản làm việc ngày 16/3/2020, ông Nguyễn Khắc K cho rằng việc các cá nhân, tổ chức làm sai trong quá trình cấp giấy cho ông và cho bà Y thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông. Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của ông, ông đề nghị Tòa án đưa Ủy ban nhân dân huyện T, Phòng tài nguyên môi trường huyện T, Thanh tra huyện T, Phòng quản lý đô thị huyện T; ông Nguyễn Hòa H2, bà Võ Thị Thu H1 vào tham gia vụ án này. Ý kiến của ông K không được chấp nhận vì cả thửa đất của ông K và thửa đất của bà Y đều đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự, thủ tục. Tại bản đồ hiện trạng trích lục đo vẽ số 7501/2018 ngày 25/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh T đã thể hiện diện tích đất ông K đang quản lý, sử dụng đã lấn một phần sang phần đất của bà Y. Tòa án chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và “Yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất” nên các cá nhân, tổ chức nêu trên không phải là đương sự trong vụ án nên không cần thiết đưa họ tham gia tố tụng.

[3.7] Tại bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần A đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đối với khoản vay nợ theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông K bà P, do Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét.

[3.8] Về tháo dỡ công trình trên đất: Đối với tài sản trên thửa đất số 41, tờ bản đồ số 15, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, ông Khoa nhận chuyển nhượng lại của ông Hoàng Hòa H2, bà Võ Thị Thu H1 vào năm 2014, ông K đã xây bức tường gạch không tô có giá trị 2.285.820 đồng; hàng rào khung lưới B40, có giá

trị 818.415 đồng; vách khung sắt bịt tôn, có giá trị 3.316.950 đồng; vách tôn, có giá 294.000đồng và cột sắt tròn D90 có giá 1.288.000đồng. Tổng giá trị là 8.003.185 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cả hai bên đều thừa nhận các tài sản trên là ông K làm, bà Y yêu cầu ông K tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất và bà đồng ý thanh toán toàn bộ giá trị tài sản trên đất. Xét thấy, việc tháo dỡ, di dời được công trình trên và không làm ảnh hưởng đến kết cấu tài sản khác, nên ông K phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất tranh chấp trả lại đất cho bà Y. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y về việc thanh toán lại phần giá trị tài sản theo kết quả định giá là phù hợp.

[4] Về án phí đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ công trình trên đất: Do yêu cầu của bà Vũ Thị Y được chấp nhận nên bà Vũ Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Khắc K phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Về thanh toán giá trị tài sản trên đất: Bà Y không phải chịu án phí vì không có lỗi và hơn nữa tài sản này các bên đều không tranh chấp.

[6] Về chi phí định giá, thẩm định giá và đo đạc: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bà Vũ Thị Y đã nộp 6.000.000 đồng chi phí định giá, thẩm định giá và 745.994 đồng chi phí đo vẽ. Do yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Y được chấp nhận nên ông Nguyễn Khắc K phải hoàn trả lại cho bà Vũ Thị Y chi phí thẩm định giá là 6.000.000 đồng và chi phí đo đạc là 745.994 đồng. Tổng cộng là 6.745.994 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166, Điều 175, Điều 275, Điều 579 và Điều 685 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Y về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" và "Yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất" đối với ông Nguyễn Khắc K.

- Buộc ông Nguyễn Khắc K và bà Trịnh Thị Thu P trả lại cho bà Vũ Thị Y quyền sử dụng đất diện tích 06m^2 được giới hạn bởi các mốc (8' 2', 5', 11', 9', 8') theo trích lục đo vẽ số 7501/2018 ngày 25/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh T.

- Buộc ông Nguyễn Khắc K và bà Trịnh Thị Thu P tháo dỡ toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp gồm: Tường gạch không tô; hàng rào khung lưới

B40; vách khung sắt bịt tôn; vách tôn; cột sắt tròn D90.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị Y: Bà Vũ Thị Y tự nguyện thanh toán cho ông Nguyễn Khắc K và bà Trịnh Thị Thu P số tiền 8.003.185 đồng (tám triệu không trăm không chục lẻ ba nghìn một trăm tám mươi lăm đồng) là giá trị tài sản gắn liền trên đất tranh chấp.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Khắc K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghì đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu "Tranh chấp quyền sử dụng đất" và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) "Yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất". Bà Vũ Thị Y không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Vũ Thị Y số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000920 ngày 06/9/2018 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 001171 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Khắc K có trách nhiệm hoàn trả cho bà Vũ Thị Y số tiền chi phí đo vẽ, thẩm định giá là 6.745.994 đồng.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ký